

Phần 1: Các nội dung quản lý dự án



PGS.TS : Thái Bá Cẩn

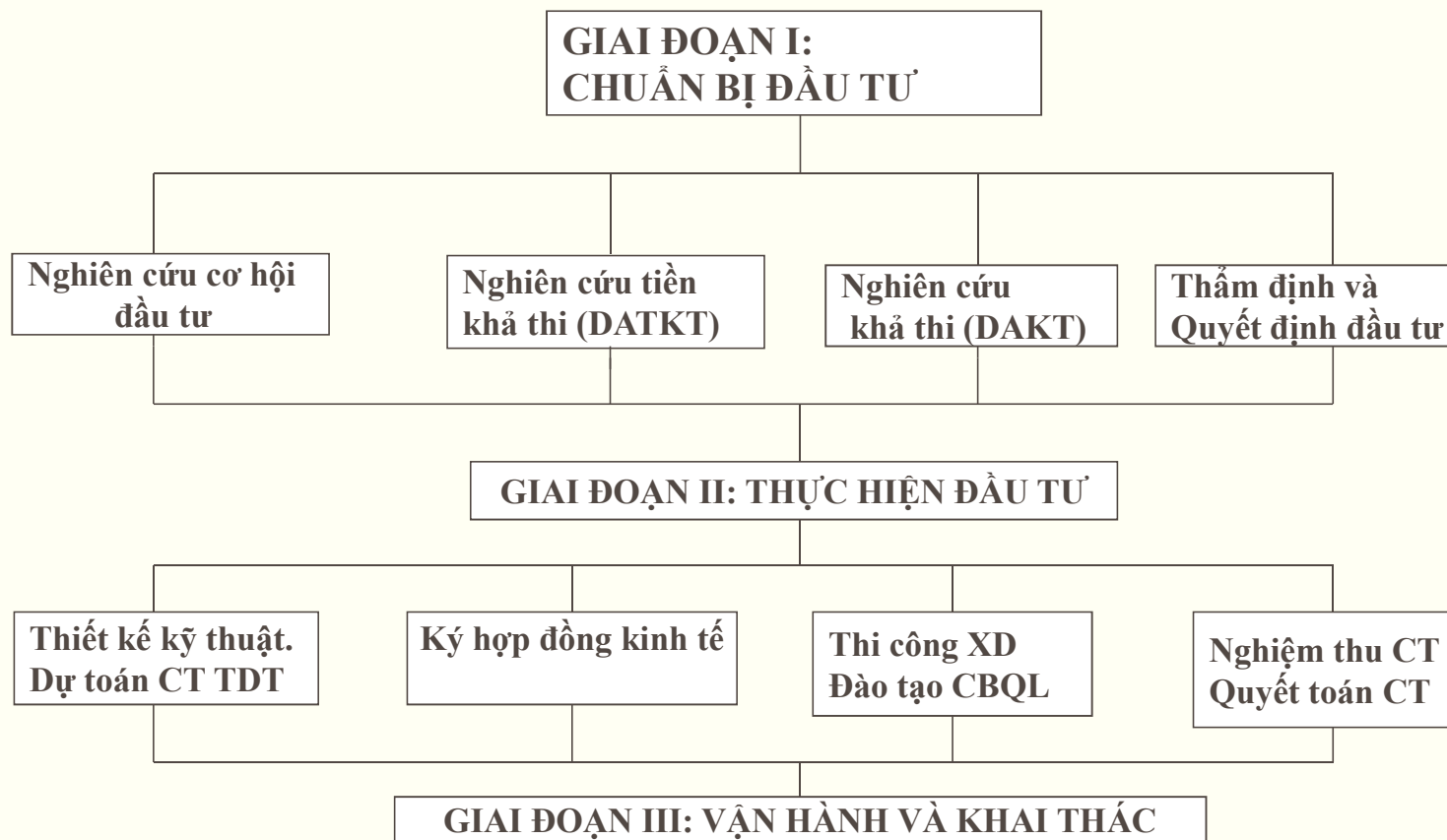
Nội dung 1: Cơ sở pháp lý trong quản lý dự án ĐTXD

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ ĐTXD

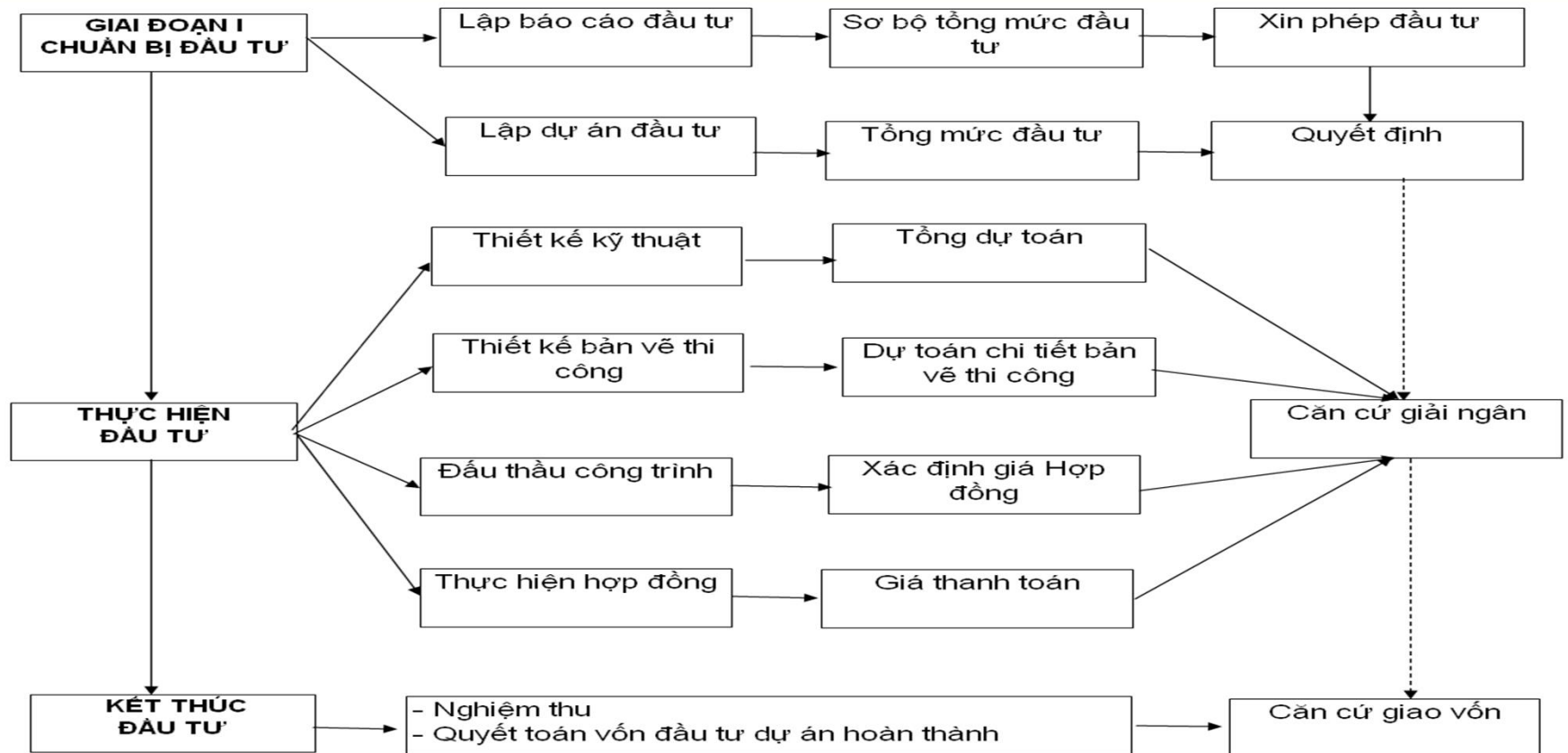
1. Nghị định số 232/1981/NĐ-NĐBT ngày 06/06/1981
2. Nghị định số 177/1994/NĐ-CP ngày 20/10/1994
3. Nghị định số 42/1996/NĐ-CP ngày 16/07/1996
4. Nghị định số 92/1996/NĐ-CP ngày 23/08/1997
5. Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999
6. Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 31/01/2003
7. Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005
8. Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006
9. Luật xây dựng số 59/2005/QH.1 ngày 29/11/2005

- 12: Nghị định số 99 CP/2007/NĐ - CP ngày 13/06/2007
- 13: Nghị định số 03/2008/NĐ - CP ngày 7/01/2008
- 14: Nghị định số 12/2009/NĐ - CP ngày 12/02/2009
- 15: Nghị định số 83/2009/NĐ - CP ngày 15/10/2009
- 16: Nghị định số 112/2009/NĐ - CP ngày 14/12/2009
- 16: Nghị định số 85/2009/NĐ - CP ngày 15/10/2009
- 17: Nghị định số 112/2009/NĐ - CP ngày 14/12/2009
- 18: Nghị định số 48/2010/NĐ - CP ngày 07/05/2010
- 19: Nghị định số 32/2015/NĐ – CP ngày 25/03/2015
- 20: Luật xây dựng số 50/2014/QH.13 ngày 18/06/2014
- 21: Luật đầu tư công số 49/2014/QH.13 ngày 18/06/2014

Nội dung 2: Các giai đoạn của dự án đầu tư xây dựng



Nội dung 3: Đặc điểm quản lý chi phí xây dựng theo 3 giai đoạn



Nội dung 3: Đặc điểm quản lý chi phí xây dựng có 3 giai đoạn

Tổng mức đầu tư (TMDT)

* Giai đoạn trước nghị định 52 ngày 8/7/1999 :

-TMDT = CPXL+CPTB khác

* Giai đoạn sau nghị định 52 8/7/1999 :

-TMDT= CPXD+CPTB+CPBTGPMT, TDC+CPQLDA+CPTV+CPK+CPDP

1. Giai đoạn lập báo cáo đầu tư (Báo cáo nghiên cứu Tiền khả thi: Xác định mức đầu tư sơ bộ

2. Giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình (Nghiên cứu khả thi – Lập dự án khả thi): Giai đoạn này tổng mức đầu tư được ghi trong quyết định đầu tư

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{TỔNG MỨC} \\ \hline \text{ĐẦU TƯ} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \text{Chi phí XD} \\ \hline (1) \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \text{Chi phí TB} \\ \hline (2) \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \text{Chi phí BT} \\ \hline \text{GPMT, TĐC} \\ \hline (3) \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \text{Chi phí} \\ \hline \text{QLDA} \\ \hline (4) \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \text{Chi phí tư} \\ \hline \text{vấn} \\ \hline (5) \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \text{Chi phí} \\ \hline \text{khác} \\ \hline (6) \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \text{Dự phòng} \\ \hline (7) \\ \hline \end{array}$$

A. Tổng mức đầu tư: có 7 yếu tố

1. Chi phí xây dựng:

1.1. Chi phí XD công trình, hạng mục công trình

1.2. Chi phí phá và tháo dỡ các vật kiến trúc;

1.3. Chi phí san lấp;

1.4. Chi phí XD công trình tạm;

1.5. Nhà tạm hiện trường để ở và điều hành thi công

2. Chi phí thiết bị:

2.1. Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ

2.2. Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ;

2.3. Chi phí lắp đặt;

2.4. Chi phí vận chuyển;

2.5. Thuế và các loại phí liên quan

A. Tổng mức đầu tư: có 7 yếu tố

3. Chi phí bồi thường GPMB:

- 3.1. Bồi thường nhà cửa, kiến trúc, cây trồng trên đất...**
- 3.2. Chi phí tái định cư liên quan đến GPMB**
- 3.3. Chi phí tổ chức bồi thường tái định cư;**
- 3.4. Chi phí sử dụng đất trong thời gian XD (điện, nước, đường tạm thi công)**
- 3.5. Chi phí trả cho phần đầu tư XD hạ tầng, nếu có**

A. Tổng mức đầu tư: có 7 yếu tố

4. Chi phí quản lý dự án (14 nội dung):

- 4.1. Chi phí lập báo cáo đầu tư, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật
- 4.2. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường GPMB, tái định cư
- 4.3. Chi phí tổ chức thi tuyển TK kiến trúc
- 4.4. Chi phí tổ chức thẩm định DA đầu tư, BCKT-KT, tổng mức đầu tư...
- 4.5. Chi phí lựa chọn nhà thầu
- 4.6. Chi phí quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ
- 4.7. Chi phí đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường của CT
- 4.8. Chi phí tổ chức lập định mức, đơn giá XDCT
- 4.9. Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu
- 4.10. Chi phí kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng CT
- 4.11. Chi phí tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán HĐ
- 4.12. Chi phí Nghiệm thu, bàn giao công trình
- 4.13. Chi phí khởi công, khánh thành, tuyên truyền, quảng cáo
- 4.14. Chi phí tổ chức thực hiện một số công việc quản lý khác

A. Tổng mức đầu tư: có 7 yếu tố

5. Chi phí tư vấn (15 nội dung):

- 5.1. Chi phí tư vấn khảo sát thiết kế;
- 5.2. Lập báo cáo đầu tư, lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc BC KT-KT
- 5.3. Thi tuyển thiết kế kiến trúc
- 5.4. Thiết kế XD công trình
- 5.5. Thẩm tra TKKT, TK bản vẽ thi công, dự toán
- 5.6. Lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời sơ tuyển, HS mời thầu
- 5.7. Khảo sát XD, giám sát thi công, giám sát lắp đặt thiết bị
- 5.8. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường
- 5.9. Chi phí lập định mức, đơn giá XD công trình
- 5.10. Chi phí quản lý chi phí ĐTXD: Tổng mức ĐT, tổng dự toán
- 5.11. Chi phí tư vấn QLDA
- 5.12. Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng công trình
- 5.13. Chi phí kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình
- 5.14. Chi phí quy đổi vốn đầu tư XDCT
- 5.15. Chi phí thực hiện các công việc tư vấn khác.

A. Tổng mức đầu tư: có 7 yếu tố

6. Chi phí khác (10 nội dung):

- 6.1. Chi phí thẩm tra tổng mức đầu tư
- 6.2. Chi phí rà phá bom, mìn, vật nổ
- 6.3. Chi phí bảo hiểm công trình
- 6.4. Chi phí di chuyển thiết bị thi công và LL lao động
- 6.5. Chi phí đăng kiểm chất lượng quốc tế, quan trắc biến dạng CT
- 6.6. Chi phí đảm bảo an toàn GT
- 6.7. Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn ĐT
- 6.8. Các khoản phí và lệ phí theo quy định
- 6.9. Chi phí nghiên cứu khoa học CN...; vốn lưu động..., lãi vay
- 6.10. Một số chi phí khác

A. Tổng mức đầu tư: có 7 yếu tố

7. Dự phòng phí :

7.1. Dự án đến 2 năm:

Tỷ lệ dự phòng 10% $*(XD+TB+GPMB+QL+Tu\ v\ a\ n+Kh\ a\ c)$

7.2. Dự án trên 2 năm:

- Khối lượng dự phòng phát sinh:
 $5%*(XD+TB+GPMB+QL+Tu\ v\ a\ n+Kh\ a\ c)$
- Trượt giá: căn cứ vào thời gian và tỷ lệ trượt giá

Dự toán công trình: (DTCT)

Giai đoạn trước nghị định 52 8/7/1999 :

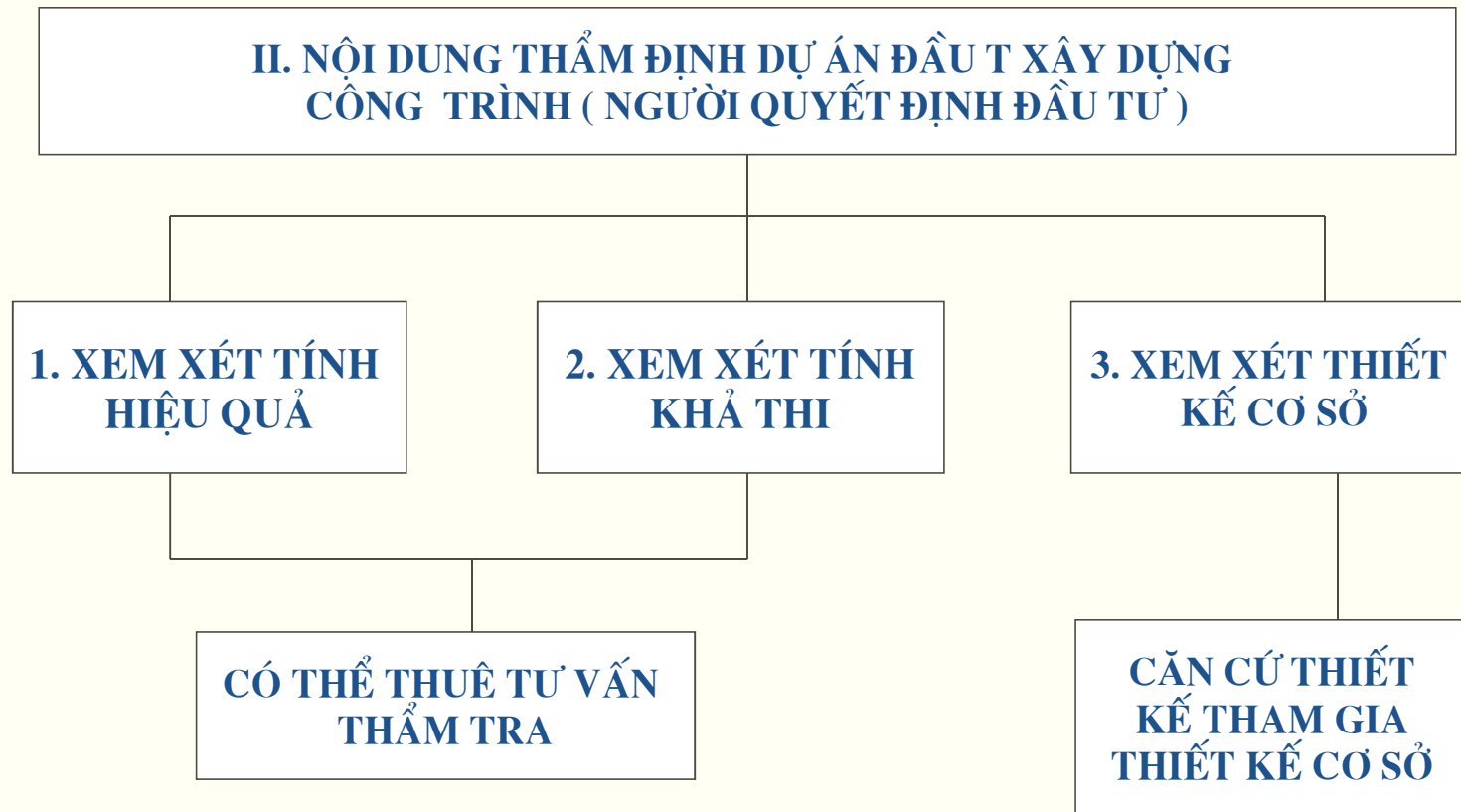
-DTCT= CPXL+CPTB+CP khác

Giai đoạn sau nghị định 52 8/7/1999 :

-DTCT= CPXD+CPTB+CPQLDA+CPTV+CPK+CPDP

$$\boxed{\text{DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH}} = \boxed{\begin{array}{c} \text{Chi phí XD} \\ (1) \end{array}} + \boxed{\begin{array}{c} \text{Chi phí TB} \\ (2) \end{array}} + \boxed{\begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{QLDA} \\ (3) \end{array}} + \boxed{\begin{array}{c} \text{Chi phí tư} \\ \text{vấn} \\ (4) \end{array}} + \boxed{\begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \\ (5) \end{array}} + \boxed{\begin{array}{c} \text{Dự phòng} \\ (6) \end{array}}$$

Nội dung 4: Thẩm định, phê duyệt dự án, đầu tư xây dựng công trình



Nội dung 4: Thẩm định, phê duyệt dự án, đầu tư xây dựng công trình

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (TIẾP)

1. XEM XÉT TÍNH HIỆU QUẢ

1. Sự cần thiết đầu tư.
2. Các yếu tố đầu vào.
3. Quy mô, công suất, công nghệ.
4. Thời gian, tiến độ thực hiện.
5. Phân tích hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của dự án

2. XEM XÉT TÍNH KHẢ THI

1. Nhu cầu sử dụng đất, sử dụng tài nguyên (nếu có).
3. Khả năng giải phóng mặt bằng.
4. Khả năng huy động vốn.
5. Kinh nghiệm của Chủ đầu tư

1. Khả năng hoàn vốn.
2. Giải phóng phòng cháy, chữa cháy.
3. Yếu tố an ninh, quốc phòng.
4. Quy định khác

Nội dung 4: Thẩm định, phê duyệt dự án, đầu tư xây dựng công trình

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (TIẾP)

3. XEM XÉT THIẾT KẾ CƠ SỞ

1. Phù hợp với quy hoạch chi tiết hoặc tổng thể mặt bằng.
2. Phù hợp với phương án tuyển.
3. Phù hợp với quy mô xây dựng.
4. Phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch (chưa có quy hoạch)

Phù hợp với việc kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực

Hợp lý của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ

Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn

Năng lực của các tổ chức, cá nhân tư vấn

Nội dung 4: Thẩm định, phê duyệt dự án, đầu tư xây dựng công trình

IV. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

1. ĐỐI VỚI DỰ ÁN VỐN NGÂN SÁCH

THỦ TƯỚNG

- DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA
- DỰ ÁN QUAN TRỌNG KHÁC

BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ

- NHÓM A, B, C
- UỶ QUYỀN NHÓM B, C

CHỦ TỊCH TỈNH

- NHÓM A, B, C
- UỶ QUYỀN NHÓM B, C

PGS.TS Thái Bá Cẩn

CHỦ TỊCH HUYỆN

- NHÓM A, B, C NGÂN SÁCH HUYỆN
- NGÂN SÁCH HỖ TRỢ CẤP TRÊN (KHÔNG HẠN CHẾ 5 TỶ ĐỒNG)

CHỦ TỊCH XÃ

- NHÓM A, B, C NGÂN SÁCH XÃ
- NGÂN SÁCH HỖ TRỢ CẤP TRÊN (KHÔNG HẠN CHẾ 3 TỶ ĐỒNG)

Nội dung 5: Hợp đồng trong hoạt động xây dựng

1. Các loại HĐXD

- * Hợp đồng tư vấn
- * Hợp đồng cung ứng vật tư
- * Hợp đồng thi công xây dựng
 - * Hợp đồng TK- Cung ứng vật tư, thiết bị
 - * Hợp đồng chìa khóa trao tay

2. Hồ sơ hợp đồng xây dựng

3. Giá hợp đồng xây dựng

- Giá trọn gói
- Giá HĐ theo đơn giá cố định
- Giá HĐ theo giá điều chỉnh
- Giá HĐ theo tỷ lệ
- Giá HĐ hỗn hợp- ký kết

Nội dung 5: Hợp đồng trong hoạt động xây dựng

4. Điều chỉnh đơn giá trong HĐXD

- * Khi ký hợp đồng có sử dụng đơn giá tạm tính
- * Khi khối lượng phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng
- * Các đơn giá mà chủ đầu tư và nhà thầu đồng ý xem xét, điều chỉnh
- * Trường hợp giá nhiên liệu, vật tư nêu trong HĐ có biến động lớn

5. Điều chỉnh giá trong HĐXD

- * Bổ sung các công việc ngoài phạm vi quy định trong hợp đồng đã ký
- * Các trường hợp quy định tại Điều 22 Nghị định này
- * Các khoản trượt giá

6. Tạm ứng vốn để thực hiện HĐXD

- * Tạm ứng vốn ĐTXD CT phải được quy định trong hợp đồng
- * Vốn tạm ứng giải phóng mặt bằng theo KH GPMB
- * Bên giao thầu thống nhất KH tạm ứng và thu hồi tạm ứng

Nội dung 5: Hợp đồng trong hoạt động xây dựng

7. Điều chỉnh giá trong HĐXD

- * Bổ sung các công việc ngoài phạm vi quy định trong hợp đồng đã ký
- * Các trường hợp quy định tại Điều 22 Nghị định này
- * Các khoản trượt giá

8. Tạm ứng vốn để thực hiện hợp đồng XD

- * Tạm ứng vốn ĐTXD CT phải được quy định trong HĐ
- * Vốn tạm ứng giải phóng mặt bằng theo KH GPMB
- * Bên giao thầu thống nhất KH tạm ứng và thu hồi tạm ứng

Nội dung 6: Đấu thầu xây dựng

I. Những nội dung cơ bản về đấu thầu xây dựng

II. Phương pháp đấu thầu xây dựng

- 1. Đấu thầu 1 túi hồ sơ**
- 2. Đấu thầu 2 túi hồ sơ**
- 3. Đấu thầu 2 giai đoạn**

III. Trình tự thực hiện đấu thầu

IV. Những việc cần phải làm của chủ đầu tư khi thực hiện đấu thầu xây dựng

V. Những việc phải làm của nhà đầu tư khi tham gia đấu thầu

Nội dung 7: Thanh toán vốn đầu tư

I.Căn cứ thanh toán vốn đầu tư

- 1. Phải đủ thủ tục về đầu tư và XD**
- 2. Phải mở TK thanh toán tại KBNN.**
- 3. Phải có QĐ giao nhiệm vụ ĐT, QĐ thành lập BQL DA**
- 4. Phải có QĐ chọn thầu**
- 5. Phải có HĐKT A-B được ký kết.**
- 6. Có kế hoạch đầu tư được thông báo**
- 7. Có khối lượng thực hiện đủ ĐK thanh toán**

Nội dung 7: Thanh toán vốn đầu tư

II. THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ THEO KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH LÀ KHỐI LƯỢNG THỎA MÃN 7 TIÊU CHÍ SAU:

1. Khối lượng đó có trong TK được duyệt
2. Khối lượng đó có trong dự toán công trình được duyệt
3. Khối lượng đó có trong kế hoạch đầu tư hàng năm được thông báo (kế hoạch khối lượng, KH vốn)
4. Khối lượng đó có trong hợp đồng kinh tế (A-B)
5. Khối lượng đó phải hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật cho phép.
6. Khối lượng đó phải đo được, đếm được, nhìn thấy được
7. Khối lượng đó phải được A-B tổ chức nghiệm thu, được bên A chấp nhận và làm thủ tục thanh toán

Quy trình thanh toán KLHT phải giải quyết được 3 mối quan hệ:

- (1). Quan hệ giữa CĐT và Nhà Thầu
 - (2). Quan hệ giữa CĐT và KBNN
 - (3). Quan hệ giữa kho bạc và nhà thầu xây dựng
- (3). Quan hệ giữa KBNN và Nhà Thầu

Nội dung 7: Thanh toán vốn đầu tư

III. THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC TẠM ỨNG

Khi thanh toán vốn đầu tư theo hình thức tạm ứng cần chú ý các nội dung sau:

1. Mức tạm ứng: phụ thuộc vào đặc điểm của từng dự án, từng gói thầu

2. Điều kiện tạm ứng:

- Có QĐ chọn thầu
- Có HĐKT giữa CĐT và Nhà thầu
- Có KH vốn đầu tư
- Có BLTH HĐ
- Có giấy đề nghị của Nhà thầu

3. Thu hồi vốn tạm ứng:

Khi thu hồi vốn tạm ứng cần chú ý 3 nội dung sau:

(1). Thời điểm bắt đầu thu hồi tạm ứng: phụ thuộc vào đặc điểm của từng dự án, từng gói thầu

(2). Mức thu hồi tạm ứng từng lần: Phụ thuộc vào từng loại HĐ đã ký kết giữa A và B

(3). Thời điểm phải thu hồi hết vốn tạm ứng: phụ thuộc vào đặc điểm từng gói thầu, từng Hợp đồng.

Nội dung 8: Quyết toán vốn đầu tư

I. Phân loại quyết toán vốn đầu tư

1. **Quyết toán A-B:** là quyết toán để thanh lý HĐ giữa bên A và bên B. Mục đích của QT niên độ là để thanh lý HĐ. Quyết toán A-B do bên B lập, bên A duyệt để thanh lý
2. **Quyết toán niên độ:** là báo cáo tình hình thực hiện đầu tư theo niên độ tháng, quý, năm. Quyết toán niên độ do CĐT lập để báo cáo lên cấp có thẩm quyền. Cấp thẩm quyền tổng hợp để báo cáo cho các cơ quan QL NN (Bộ TC, Bộ KHĐT) để cơ quan QLNN có thẩm quyền báo cáo CP và Quốc hội. QT niên độ phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động đầu tư cả góc độ vĩ mô và vi mô
3. **Quyết toán vốn DA hoàn thành:** là báo cáo tài chính phản ánh trung thực tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư hợp pháp, hợp lý, đúng chế độ chính sách quản lý KT và Tài chính của NN. QT vốn ĐT DA hoàn thành được nghiệm thu để đưa vào sử dụng CĐT phải lập báo cáo quyết toán vốn ĐT trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Nội dung 8: Quyết toán vốn đầu tư

II. Nội dung báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Liệt kê đầy đủ văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư
 2. Xác định tổng nguồn vốn đầu tư đã thực hiện, phân định rõ ràng từng nguồn vốn: vốn ngân sách, tín dụng, vốn tự có...
 3. Xác định tổng chi phí đầu tư đã thực hiện qua các năm, trong đó làm rõ theo cơ cấu thành phần của vốn đầu tư: XD, thiết bị, quản lý tư vấn
 4. Xác định chi phí không tính vào giá trị tài sản do các nguyên nhân bất khả kháng, không thuộc đối tượng bảo hiểm đền bù
 5. Xác định số vốn đầu tư trở thành tài sản cố định
 6. Xác định tình hình công nợ
 7. Bản kiểm kê giá trị các tài sản, các loại vật tư tồn đọng và nêu ý kiến đề xuất xử lý của CĐT
 8. Bản xác nhận, đối chiếu của cơ quan về số vốn đầu tư của KBNN
 9. Bản Tổng kết, đánh giá hiệu quả đầu tư dự án của CĐT, hoặc Ban QLDA
- Đối với DA có sử dụng Vốn nước ngoài cần có bản quyết toán về sử dụng vốn nước ngoài (nếu có)

Nội dung 8: Quyết toán vốn đầu tư

III. Nội dung thẩm tra và phê duyệt QT vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Cấp phê duyệt quyết toán vốn đầu tư:

- Bộ trưởng Tài chính phê duyệt QT vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia (TTCP QĐ đầu tư)
- Các dự án còn lại: cấp nào ra QĐ đầu tư thì cấp đó phê duyệt quyết toán vốn ĐT dự án hoàn thành

2. Thẩm tra báo cáo QT: trước khi phê duyệt QT người có thẩm quyền sẽ sử dụng cơ quan tài chính của cấp mình quản lý để tiến hành thẩm tra báo cáo quyết toán

3. Nội dung thẩm tra quyết toán: thẩm tra tất cả các nội dung trong báo cáo quyết toán

4. Hồ sơ thẩm tra quyết toán:

- Báo cáo quyết toán do CĐT lập
- Bản vẽ hoàn công
- Các HĐ kinh tế A-B
- Các biên bản thanh lý HĐ
- Các hồ sơ liên quan (nếu cơ quan thẩm tra thấy cần thiết)

5. Hình thức thẩm tra QT:

- Tự thẩm tra đối với các DA nhóm C.

- - Đối với DA quan trọng quốc gia và Nhóm A

Phần II: Tổ chức tham gia quản lý dự án đầu tư xây dựng

I. Chủ đầu tư

1. Lập dự án trình cấp thẩm quyền phê duyệt
2. Lập hồ sơ thiết kế
3. Lập chi phí: TMDT, dự toán công trình, tổng dự toán công trình
4. Xây dựng hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu, xét thầu
5. Lập kế hoạch đầu tư: dài hạn, trung hạn, kế hoạch đầu tư hàng năm
 - Kế hoạch khối lượng
 - Kế hoạch vốn
6. ký các hợp đồng kinh tế
7. Giám sát thi công xây dựng (kiểm tra chất lượng, tiến độ xây dựng)
8. Giải ngân vốn đầu tư
9. Quyết toán vốn đầu tư :
10. Quyết toán các hợp đồng A_B
11. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, hạng mục hoàn thành

Phần II: Tổ chức tham gia quản lý dự án đầu tư xây dựng

II. Cấp trên chủ đầu tư (cấp thẩm quyền)

- 1. Thẩm định dự án đầu tư**
- 2. Ra quyết định đầu tư**
- 3. Phê duyệt thiết kế ,dự toán công trình**
- 4. Cân đối kế hoạch và giao kế hoạch**
- 5. Thẩm định quyết toán và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư**
- 6. Phê duyệt các loại định mức kinh tế _kỹ thuật**

Phần II: Tổ chức tham gia quản lý dự án đầu tư xây dựng

III. Nhà thầu xây dựng

- 1. Ký kết các hợp đồng kinh tế**
- 2. Làm thủ tục nghiệm thu thanh toán, nghiệm thu hợp đồng quyết toán hợp đồng**
- 3. Xác định giá các gói thầu tham gia dự thầu**
- 4. Làm các thủ tục dự thầu**
- 5. Làm hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành với chủ đầu tư**

Phần II: Tổ chức tham gia quản lý dự án đầu tư xây dựng

IV: Cơ quan tài chính (vụ tài chính các bộ, sở tài chính các tỉnh, phòng tài chính các huyện-thị xã)

1. Lập kế hoạch vốn (kế hoạch cấp phát VĐT)
2. Tham gia với cơ quan kế hoạch về danh mục kế hoạch dài hạn, trung hạn, kế hoạch hằng năm các dự án đầu tư
3. Thông báo kế hoạch vốn hằng năm
4. Chủ trì thẩm tra, trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành thuộc vốn ngân sách nhà nước

V: Bộ kế hoạch đầu tư làm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng theo phân công của chính phủ về công tác kế hoạch

VI: Bộ tài chính làm công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng theo phân công của chính phủ về lĩnh vực tài chính

VII: Bộ xây dựng: Làm công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng theo phân công của chính phủ về mặt xây dựng (Định mức XD, đơn giá XD, công tác về quy hoạch...)